

Bản án số: **144/2020/HS-ST**
Ngày: 12/11/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thuý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hoan, bà Hà Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Dũng- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 137/2020/TLST-HS ngày 01/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2020/QĐXXST-HS ngày 15/10/2020 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Xuân L (tên gọi khác: *Trường*), sinh năm 1999. ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 6/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đỗ Xuân D và bà Dương Thị L. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ hai.

Tiền án:

- Tại Bản án số 59/2017/HSST ngày 25/7/2017, bị TAND huyện T, tỉnh Hải Dương xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (*chưa được xóa án tích*).

- Tại Bản án số 92/2017/HSST ngày 19/10/2017, bị TAND huyện T, tỉnh Hải Dương xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp với 9 tháng tù của Bản án số 59/2017/HSST ngày 25/7/2017 của TAND huyện T, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 21 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày ngày 28/02/2019 (*chưa được xóa án tích*).

Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 204 ngày 03/9/2019, bị Công an thành phố H, tỉnh Hải Dương xử phạt tiền về hành vi tàng trữ trái phép chất ma Ty.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 31/2020/HS-ST ngày 04/8/2020, bị TAND huyện T, tỉnh Hải Dương xử phạt 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Tại Bản án số 64/2020/HS-ST ngày 28/9/2020, bị TAND huyện A, thành phố Hải Phòng xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 15 tháng tù tại Bản án số 31/2020/HS-ST ngày 04/8/2020, bị TAND huyện T, tỉnh Hải Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 06 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2019.

- Tại Bản án số 14/2016/HSST ngày 19/4/2016, bị TAND huyện T, tỉnh Hải Dương xử phạt 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” *(đã được xóa án tích)*.

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02 ngày 11/12/2014, bị Công an huyện T, tỉnh Hải Dương xử phạt cảnh cáo về hành vi chiếm giữ trái phép tài sản của người khác *(đã được xóa tiền sự)*.

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22 ngày 12/02/2015, bị Công an huyện T, tỉnh Hải Dương xử phạt cảnh cáo về hành vi Đánh bạc *(đã được xóa tiền sự)*.

Bị cáo bị tạm tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng trong một vụ án khác. Có mặt.

2. H Văn T, sinh năm 1993. ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 7/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông H Văn T và bà H Thị L. Có vợ là Vũ Thị L và có 02 con. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 12/3/2020. Có mặt.

3. Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1984. ĐKKHKT: Không xác định. Sống lang thang tại khu 6 phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 0/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị H. Tiền án: Tại Bản án số 36/2012/HSST ngày 08/3/2012, bị TAND thành phố H, tỉnh Hải Dương xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” *(bị cáo chấp hành xong hình phạt từ ngày 09/11/2014, chưa nộp án phí và bồi thường dân sự)*. Tiền sự: Chưa.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 144/HSST ngày 18/11/2004, bị TAND thành phố H, tỉnh Hải Dương xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành xong hình phạt từ ngày 21/11/2005 *(đã được xóa án tích)*.

- Tại Bản án số 143/2007/HSST ngày 28/9/2007, bị TAND thành phố H, tỉnh Hải Dương xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành xong hình phạt từ ngày 14/7/2008 *(đã được xóa án tích)*.

- Tại Bản án số 92/2009/HSST ngày 14/5/2009, bị TAND thành phố H, tỉnh Hải Dương xử phạt 33 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/10/2011 *(đã được xóa án tích)*.

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 143 ngày 18/5/2004, bị Công an thành phố H, tỉnh Hải Dương xử phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản *(đã được xóa tiền sự)*.

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 122 ngày 05/8/2004, bị Công an thành phố H, tỉnh Hải Dương phạt tiền về hành vi trộm cắp tài sản *(đã được xóa tiền sự)*.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/3/2020 đến ngày 27/3/2020 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

4. Phạm Văn G, sinh năm 1994. ĐKKHKT và nơi cư trú: Khu T, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 9/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm Văn V và bà Mạc Thị V. Có vợ là Nguyễn Phương A và có 01 con. Tiền án, tiền sự: Chưa. Nhân thân: Tại Bản án số 60/2014/HSST ngày 29/12/2014, bị TAND huyện N, tỉnh Hải Dương xử phạt 12 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/10/2015 *(đã được xóa án tích)*.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 17/5/2020. Có mặt.

*** Bị hại:**

- Công ty W.

Địa chỉ trụ sở: Phòng 109, khu E 11P, tập thể T, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Trung K- Tổng giám đốc.

Tổ chức nhận ủy quyền: Chi nhánh H - Công ty W.

Địa chỉ chi nhánh: Số 12 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện: Ông Nguyễn Hữu K- Giám đốc.

- Anh Đồng Xuân Y, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Khu T, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Chị Chu Thị Q, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Khu K, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Chị Mai I, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Khu Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Chị Phạm Thị A, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu T, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Phạm Thị S, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Anh Đặng Văn O, sinh năm 1988.

- Chị Đỗ Thị Đ, sinh năm 1989.

Đều có địa chỉ: Số 276 Nguyễn Văn Linh, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Anh Lê V, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Đội II, thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Anh Đồng Văn X, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu T, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Danh Kh, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

*** Người làm chứng:**

- Chị Nguyễn Phương A, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu T, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Chị Đinh Thị H, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Khu K, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Anh Lê Văn H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Bá S, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có quen biết từ trước và đều cần tiền để chi tiêu cá nhân nên Đỗ Xuân L, H Văn T, Nguyễn Ngọc H, Phạm Văn G đã thực hiện các hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 22 giờ ngày 11/8/2019, Đỗ Xuân L và Phạm Thị S đến nhà nghỉ B ở phường T, thành phố H chơi với vợ chồng Phạm Văn G, Nguyễn Phương A. Khoảng hơn 23 giờ cùng ngày G và L rủ nhau đi trộm cắp các bộ song chắn rác lắp trên đường thuộc khu đô thị T, phường T, thành phố H

do Công ty W làm chủ đầu tư. Khoảng 1 giờ 30' ngày 12/8/2019, L đi xe máy Yamaha Jupiter, màu xám (*xe của L, không nhớ BKS*) chở G đến cửa hàng phế liệu của chị Đỗ Thị Đ. G mượn của chị Đ 01 chiếc xà beng bằng sắt dài khoảng 1m rồi cùng L đi đến các vị trí lắp bộ song chắn rác ở rìa đường khu đô thị Thanh Bình và cạy được 4 bộ song chắn rác bằng gang, màu xám, hình chữ nhật, kích thước mỗi bộ (900x470x80)mm, nặng 50kg/1 bộ, gồm: 01 bộ tại ngõ 352 N, 02 bộ tại ngõ 412 N và 01 bộ tại ngách 4/412 N. L, G chở các bộ song chắn rác đến để ở vỉa hè trước cửa hàng phế liệu của chị Đ rồi bán cho chị Đ được số tiền 2.100.000 đồng và cùng nhau tiêu xài hết số tiền này. Chị Đ bán lại 04 bộ song chắn rác cho một người khác (*không xác định được họ tên, địa chỉ*) được 2.260.000 đồng.

Đến khoảng 16 giờ ngày 13/8/2019, Phạm Văn G mượn lại của chị Đ 01 chiếc xà beng và rủ Phạm Thị S đi trộm cắp các bộ song chắn rác. Khoảng 1 giờ 30' ngày 14/8/2019, S đi xe máy nhãn hiệu Anber, kiểu dáng Wave biển số 29Z7-8001 của S chở G mang theo chiếc xà beng và 01 bao tải màu đen đi đến khu đô thị T, phường T, thành phố Hải Dương. Tại đây, G và S dùng xà beng cạy được 02 bộ song chắn rác bằng gang, màu xám, hình chữ nhật, kích thước mỗi bộ (900x470x80)mm, nặng 50kg/1 bộ, gồm: 01 bộ lắp ở rìa đường trước cửa nhà số 10/4/412 N và 01 bộ lắp ở rìa bồn hoa trong khu đô thị. G, S cho các bộ song chắn rác cạy được vào bao tải và chở đến để tại trước cửa hàng mua bán phế liệu của chị Đ rồi đi về ngủ tại phòng trọ của vợ chồng G. Đến khoảng gần 6 giờ cùng ngày, S bảo A đi cùng đến cửa hàng phế liệu của chị Đ và bán 02 bộ song chắn rác cho anh Đặng Văn O (*chồng chị Đ*) được số tiền 650.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 66/KL-HĐĐG ngày 11/9/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Hải Dương kết luận giá trị 06 bộ song chắn rác bằng gang = 06 bộ x 2.145.000đ/bộ x 40% = 5.148.000đ.

Vụ thứ hai: Do Phạm Văn G mượn điện thoại của Đỗ Xuân L để đăng nhập tài khoản Facebook của mình và chưa đăng xuất nên khi anh Đồng Xuân Y (*cháu họ của G*) sử dụng tài khoản Facebook nhắn tin hỏi vay tiền của G thì L biết được. Khoảng 07h00 ngày 17/8/2019, L gọi điện thoại hẹn gặp anh Y ở quán nước trước cổng Bệnh viện Z ở thành phố H. Khi thấy anh Y đi xe máy Honda Airblade BKS 34B3-755.28, màu đen - bạc (*mượn của anh Đồng Văn X*) đến gặp thì L nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy này nên đã tự giới thiệu mình tên là Trường và dẫn anh Y đến phòng 202 nhà nghỉ A 2 ở số 120 H, phường H, thành phố H. Lúc này L không biết G ở đâu nhưng vẫn nói với anh Y là G đi ăn sáng, một lúc nữa sẽ về rồi bảo anh Y cho L mượn xe máy để đi đón G. Anh Y tin tưởng nên đồng ý cho L mượn xe. L sử dụng xe máy của anh Y làm phương tiện đi lại và tắt điện thoại để anh Y không liên lạc được. Đến khoảng 17 giờ ngày 19/8/2019, L đi xe máy Honda Airblade BKS 34B3-755.28 đến gặp anh Nguyễn Văn G nhờ tìm giúp chỗ cầm cố xe. Anh G dẫn L đến gặp anh Lê V. L vay của anh T số tiền 5.000.000đ và để lại xe máy làm tin.

Tại kết luận định giá tài sản số 96/KL-HĐĐG ngày 13/12/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Hải Dương kết luận: Giá trị 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BKS 34B3-755.28, màu sơn đen - bạc là 13.500.000đ.

Vụ thứ ba: Khoảng 21 giờ 30' ngày 16/10/2019, Đỗ Xuân L và Nguyễn Ngọc H rủ nhau đi cướp tài sản của người đi đường. Khoảng 22 giờ cùng ngày, L mượn của Duy (*không rõ họ tên, địa chỉ*) một xe máy Airblade (*không rõ BKS*), mang theo 01 chiếc thìa bằng kim loại màu trắng bạc có phần chuôi mài nhọn, dài khoảng 17 cm và chở H đến dưới gầm cầu vượt lập thể quốc lộ 5 thuộc phường N, thành phố H chờ có người đi qua thì chặn lại cướp tài sản. Khoảng 22h15' cùng ngày, khi thấy chị Chu Thị Q và chị Đinh Thị H, mỗi người đi một xe đạp điện từ trên cầu vượt rẽ xuống thì L điều khiển xe đi từ gầm cầu ra dừng ở rìa đường. L xuống xe còn H vẫn ngồi trên xe cạnh giới. Khi chị H đi đến, L đi ra giữa đường thì chị H điều khiển xe tránh sang một bên rồi đi tiếp. Khi chị Q đi đến gần thì L áp sát rồi dùng tay đẩy vào càng xe đạp điện làm xe đổ, chị Q ngã ra đường. L cầm chiếc thìa kim loại giơ ra trước mặt chị Q và nói: “Có gì không thì đưa hết đây. Điện thoại đâu, cổ đeo dây chuyền không?”. L dùng tay sờ vào cổ chị Q và giật làm dây chuyền bằng bạc 22k, dạng sợi xoắn, có một mặt bằng bạc hình bông lúa uốn thành vòng tròn, trọng lượng 2 chỉ bị đứt ra văng xuống đường, không rõ rơi ở đâu. Chị Q sợ hãi móc trong túi quần ra 1 chiếc điện thoại Oppo, vỏ màu hồng. L lấy điện thoại của chị Q rồi đi ra chỗ H, nổ máy xe và chở H đi. Khoảng 20 giờ ngày 17/10/2019, L và H đi đến cửa hàng điện thoại di động của anh Nguyễn Danh Kh bán chiếc điện thoại Oppo được số tiền 700.000 đồng rồi cùng nhau chi tiêu hết số tiền này. Anh Kh bán lại điện thoại cho anh Lê Đình T với giá 1.700.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 16/01/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Hải Dương kết luận: Giá trị 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo, vỏ màu hồng là 2.070.000đ; giá trị 01 dây chuyền bạc 22k, tổng trọng lượng 2 chỉ là 110.000đ.

Vụ thứ tư: Khoảng 11 giờ 30' ngày 27/10/2019, Đỗ Xuân L đi xe máy Honda Wave màu đỏ (*không rõ BKS*) mượn của H Văn T đến khu vực chân cầu P cũ thì gặp Nguyễn Ngọc H, cả hai rủ nhau đi cướp tài sản của người đi đường. Khoảng 12 giờ 45' cùng ngày, cả hai đi đến khu vực nhà hàng Đ (gần cây xăng A) thì phát hiện chị Mai I đeo 01 chiếc ba lô màu đen và đi bộ một mình trên đường rẽ từ quốc lộ 5 vào khu Đ, phường A, thành phố H nên cùng thống nhất sẽ chiếm đoạt chiếc ba lô của chị I. H điều khiển xe chở L đi đến gần chị I thì đi chậm lại, L xuống xe đi bộ, H đi xe máy vượt qua và đỗ xe ở rìa đường phía trước chị I khoảng 1 đến 2m để canh giới. L từ phía sau chạy đến giật lấy chiếc ba lô trên lưng chị I; chị I túm lấy ba lô giữ lại thì L giơ chân phải đạp vào bụng làm chị I ngã ra đường và phải buông ba lô ra. L cầm ba lô lên xe máy để H chở đi đến đường đê ở xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương thì mở ba lô ra kiểm tra thấy

bên trong có: 01 chiếc điện thoại Samsung J7 Pro, vỏ màu đen bên trong lắp 01 sim Viettel và 01 sim vinaphone; 01 chiếc ví nữ bằng chất liệu giả da màu hồng, không nhãn mác, xuất xứ Trung Quốc, kích thước (7x20)cm, có nắp chốt bằng nam châm bên trong có 2.100.000 đồng tiền mặt; 01 thẻ ATM ngân hàng VCB, 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 đều mang tên Mai I. L vớt chiếc ba lô và chiếc ví tại bờ đê (*không nhớ vị trí*). 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV L mang theo người và bị Công an huyện A, thành phố H thu giữ, số giấy tờ còn lại L không rõ đã làm mất ở đâu. L và H mang chiếc điện thoại di động bán cho anh Lê Văn H được 2.100.000đ rồi cùng nhau chi tiêu hết số tiền này.

Tại kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 16/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Hải Dương kết luận: Giá trị 01 chiếc điện thoại Samsung J7 Pro, vỏ màu đen là 2.745.000 đồng; giá trị 01 chiếc balo chất liệu giả da màu đen, không nhãn mác, xuất xứ Trung Quốc, kích thước (40x30) cm là 33.000đ; giá trị 01 chiếc ví nữ bằng chất liệu giả da màu hồng, không nhãn mác, xuất xứ Trung Quốc, kích thước (7x20)cm, có nắp chốt bằng nam châm là 29.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 05 giờ 30' ngày 10/11/2019, H Văn T chở L bằng xe máy Exciter, màu xanh, biển số 34B1-96972 mượn của anh Nguyễn Bá S để đi về nhà T. Khi đi qua cầu P cũ đến đường chân đê thuộc phường N, thành phố H thì cả hai phát hiện chị Nguyễn Thị Đ đi một mình bằng xe đạp điện, trên giỏ xe có để 01 chiếc Ti bằng vải cotton màu nâu, không nhãn mác, kích thước (30x40) cm nên rủ nhau chiếm đoạt chiếc Ti của chị Đ. T điều khiển xe máy đi đến gần, song song với xe chị Đ thì L giả vờ hỏi: “Cô ơi, đường đi về Thanh Hà đi lối nào?”. Chị Đ trả lời: “Đi thẳng, cứ đi theo tôi”. T tiếp tục đi theo chị Đ đến đoạn gần trường Cao đẳng Giao thông đường thủy thuộc phường N, thành phố H thì áp sát bên trái xe chị Đ, L thò tay sang giật lấy chiếc túi để ở giỏ xe. T tăng ga bỏ chạy về phía đi xã Tiền Tiến, thành phố Hải Dương. Đến đoạn đường chân đê thuộc xã T, cả hai mở túi ra kiểm tra thấy có 01 CMND mang tên Nguyễn Thị Đ và số tiền 1.100.000 đồng. L vớt chiếc túi vải đi (*không nhớ vị trí*); L và T chia nhau số tiền 1.100.000đ, L được 600.000đ, T được 500.000đ. L mang theo CMND của chị Đ và bị Công an huyện A, thành phố Hải Phòng thu giữ.

Tại kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 16/01/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Hải Dương kết luận: Giá trị 01 chiếc Ti bằng vải cotton màu nâu, không nhãn mác, kích thước (30x40) cm là 18.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 12/11/2019, H Văn T điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS 34B1-969.72 chở Đỗ Xuân L đến khu vực thôn 1, xã Q, thành phố H thì thấy chị Phạm Thị A điều khiển xe máy Honda Airblade, màu đen, BKS 34B4- 350.68 chở chị Nguyễn Thị U từ phía sau vượt lên. Quan sát thấy chị A, chị U có đeo túi xách nên L và T rủ nhau chiếm đoạt. T

điều khiển xe máy đuổi theo rồi vượt lên ép, chặn trước đầu xe máy của chị A làm chị A phải dừng xe lại. L xuống xe, giả vờ đánh ghen nên nói với chị A "Mày có thích cướp chồng người khác không?" rồi dùng tay giật lấy chiếc túi xách màu vàng, bằng da, có quai đeo bằng kim loại của chị A đang đeo trên người (bên trong túi xách có 430.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 5s 16GB màu trắng có gắn sim Viettel). Chị A dùng tay giữ lại thì bị L dùng chân phải đạp 02 cái vào người chị A làm đổ xe máy, chị A, chị U ngã ra đường. L tiếp tục giật và lấy được chiếc túi xách của chị A rồi đi đến giật Ti xách màu đen, bằng da, có quai đeo của chị U. Chị U giữ túi lại thì L dùng chân đạp 02 phát vào người chị U; chị U túm lấy túi xách của chị A mà L đang cầm trên tay và giằng lại được. L cầm túi xách của chị U rồi lên xe máy do T điều khiển đi đến nhà nghỉ L ở phường N, thành phố H. Tại đây, L và T kiểm tra thấy trong túi xách của chị U có 01 điện thoại Iphone 6 plus 64GB màu vàng, có ốp lưng bằng nhựa màu hồng, lắp sim Vietnammobile số 0587514419; 01 ví nữ màu đỏ bên trong có số tiền 9.200.000 đồng, 01 bằng lái xe mô tô, 01 CMND đều mang tên Nguyễn Thị U, 03 tờ tiền (loại tiền giấy màu đỏ) có mệnh giá 100 Đô la Đài Loan. T và L chia nhau tiền; túi xách, ví, giấy tờ cá nhân của chị U thì vứt đi (không nhớ vị trí). L tháo ốp điện thoại Iphone 6 plus vứt đi và lắp 01 chiếc vỏ ốp màu đen rồi mang theo người và bị Công an huyện A, thành phố Hải Phòng thu giữ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐGTS ngày 28/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương kết luận: Giá trị 01 điện thoại Iphone 5s 16GB màu trắng, đã qua sử dụng là 1.050.000đ; giá trị 01 Ti xách thời trang màu vàng, bằng da, có quai đeo bằng kim loại là 270.000đ; giá trị 01 Ti xách màu đen, bằng da, có quai đeo là 240.000đ; giá trị 01 ví nữ màu đỏ là 160.000đ; giá trị 01 điện thoại Iphone 6 plus màu vàng, có ốp lưng bằng nhựa màu hồng, đã qua sử dụng là 4.000.000đ.

Tại công văn số 1394 ngày 10/12/2019, Ngân hàng nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Hải Dương cung cấp tỷ giá quy đổi đồng Đô la Đài Loan (TWD) sang Đồng Việt Nam (VNĐ) là 761,85.

Quá trình điều tra: Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bị cáo L khai đã bán xe máy Yamaha Jupiter màu xám (*xe của L*) được số tiền 600.000đ; bán xe máy Honda Wave màu đỏ (*mượn của T*) được số tiền 400.000đ; đã trả xe máy Airblade cho Duy nhưng không biết họ tên, địa chỉ cụ thể của Duy và những người mua xe máy. Anh Lê Văn H không nhớ có mua điện thoại của các bị cáo hay không, nếu có thì anh đã bán lại cho người khác.

Anh Lê Văn T giao nộp 01 xe máy Honda Airblade BKS 34B3-755.28. Anh Lê Đình T được anh Nguyễn Danh Kh hoàn trả số tiền dùng mua điện thoại và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo vỏ màu hồng.

Không thu giữ được các tài sản, đồ vật gồm: Các bộ song chắn rác; chiếc dây chuyền bằng bạc của chị Quỳnh Hương; chiếc điện thoại Samsung J7 Pro,

chiếc ví nữ, thẻ ATM ngân hàng VCB, CMND, giấy phép lái xe và chiếc ba lô của chị Mai I; chiếc túi vải của chị Đ; túi xách, ví, ốp điện thoại và giấy tờ cá nhân của chị U; chiếc thìa bằng kim loại của bị cáo L.

Cơ quan điều tra đã trả lại xe máy Honda Airblade BKS 34B3-755.28 cho anh Đồng Văn X; trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo vỏ màu hồng cho chị Q; trả lại 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV cho chị Mai I; trả lại 01 CMND cho chị Đ; trả lại 01 điện thoại di động Iphone 6 plus cho chị U.

Công ty W yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị 04 bộ song chắn rác là 3.432.000đ. Chị Phạm Thị S yêu cầu bị cáo G hoàn trả cho chị số tiền 858.000đ. Anh Lê V yêu cầu được bồi thường số tiền 5.000.000đ. Anh Nguyễn Danh Kh yêu cầu được bồi thường số tiền 700.000đ. Chị Mai I yêu cầu được bồi thường số tiền 5.182.000đ. Chị Đ yêu cầu được bồi thường số tiền 1.100.000đ. Chị U yêu cầu được bồi thường số tiền 9.828.000đ.

Anh Đồng Văn X, anh Đồng Xuân Y, chị Chu Thị Q, chị Phạm Thị A không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường dân sự.

Tại Cáo trạng số 88/CT-VKSTPHD ngày 28/5/2020, VKSND thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố Đỗ Xuân L về các tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS), “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 BLHS, “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS và “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS; truy tố H Văn T về các tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS và “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS; truy tố Nguyễn Ngọc H về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS; truy tố Phạm Văn G về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại các đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các bị hại đề nghị xử lý nghiêm đối với các bị cáo. Chị U tự nguyện không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như Viện kiểm sát truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Đỗ Xuân L phạm các tội “Trộm cắp tài sản”, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Cướp giật tài sản” và “Cướp tài sản”; bị cáo Hoàng Văn T phạm các tội “Cướp tài sản” và “Cướp giật tài sản”; bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “Cướp tài sản”; bị cáo Phạm Văn G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 174, điểm d khoản 2 Điều 168, điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s, r khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, điểm a khoản 1 Điều 55, Điều 56, Điều 58, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự (BLHS). Đề nghị xử phạt **Đỗ Xuân L** từ 12 đến 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; từ 18 đến 21 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; từ 9 năm đến

9 năm 6 tháng tù về tội Cướp tài sản; từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm tù về tội Cướp giật tài sản. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của bốn tội từ 15 năm đến 16 năm 6 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 06 năm 09 tháng tù tại Bản án số 64/2020 ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của các bản án từ 21 năm 9 tháng tù đến 23 năm 5 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2019.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm d khoản 2 Điều 171, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, điểm a khoản 1 Điều 55, Điều 58, khoản 1 Điều 38 BLHS. Đề nghị xử phạt **Hoàng Văn T** từ 8 năm đến 8 năm 6 tháng tù về tội Cướp tài sản; từ 3 năm 3 tháng đến 3 năm 6 tháng tù về tội Cướp giật tài sản. Tổng hợp, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 11 năm 3 tháng đến 12 năm tù. Thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 12/3/2020.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 38 BLHS. Đề nghị xử phạt **Nguyễn Ngọc H** tội Cướp tài sản từ 8 năm 6 tháng đến 9 năm tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 21/3/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 38 BLHS. Đề nghị xử phạt **Phạm Văn G** từ 10 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/5/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 581, 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự. Buộc **Đỗ Xuân L**, **Phạm Văn G** phải liên đới bồi thường cho Công ty cổ phần Newland số tiền 3.432.000đ. Buộc **Đỗ Xuân L**, **Nguyễn Ngọc H** phải liên đới bồi thường cho chị **Mai I** số tiền 5.182.000đ. Buộc **Đỗ Xuân L**, **Hoàng Văn T** phải liên đới bồi thường cho chị **Đ** số tiền 1.100.000đ. Buộc **Đỗ Xuân L**, **Nguyễn Ngọc H** phải liên đới hoàn trả anh **Nguyễn Danh Kh** số tiền 700.000đ. Buộc **Đỗ Xuân L** phải hoàn trả anh **Lê V** số tiền 5.000.000đ. Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 600.000đ của **Đỗ Xuân L** và 160.000đ của chị **Đỗ Thị Đ**.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS). Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc vỏ ốp điện thoại bằng nhựa màu đen.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa

phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận:

Trong các ngày 12/8/2019 và ngày 14/8/2019, tại khu đô thị T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương, Đỗ Xuân L, Phạm Văn G, Phạm Thị S đã lợi dụng đêm tối, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt của Công ty W 06 bộ song chắn rác bằng gang. Trong đó L và G cùng chiếm đoạt 04 bộ song chắn rác trị giá 3.432.000đ; G và S cùng chiếm đoạt 02 bộ song chắn rác trị giá 1.716.000đ. Vì vậy hành vi của các bị cáo L, G đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Khoảng 9 giờ ngày 17/8/2019, tại nhà nghỉ A 2 ở số 120 H, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương, Đỗ Xuân L đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin không có thật để anh Đồng Xuân Y tin tưởng, tự nguyện giao tài sản rồi chiếm đoạt tài sản của anh Y là 01 xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BKS 34B3-755.28, màu đen- bạc trị giá 13.500.000đ. Vì vậy hành vi của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS.

Ngày 16/10/2019, tại chân cầu vượt lập thể thuộc phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Ngọc H đứng cạnh giới để Đỗ Xuân L dùng tay đẩy đồ xe đạp điện làm chị Chu Thị Q ngã ra đường rồi dùng thìa bằng kim loại có chuôi mài nhọn đe dọa để chiếm đoạt của chị Q 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo trị giá 2.070.000đ, 01 dây chuyền bạc 22k, tổng trọng lượng 2 chỉ trị giá 110.000đ. Ngày 27/10/2019, tại đường khu Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương, H đứng cạnh giới, L dùng chân đạp vào bụng làm chị Mai I ngã ra đường rồi chiếm đoạt của chị Mai I 01 chiếc điện thoại Samsung J7 Pro, vỏ màu đen trị giá 2.745.000 đồng, 01 chiếc balo chất liệu giả da màu đen trị giá 33.000đ, 01 chiếc ví nữ bằng chất liệu giả da màu hồng trị giá 29.000 đồng, số tiền 2.100.000đ. Các bị cáo đã sử dụng vũ lực làm cho bị hại không chống cự được để chiếm đoạt tài sản của họ, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.087.000đ. Hành vi dùng thìa bằng kim loại có chuôi mài nhọn để đe dọa bị hại là hành vi “*sử dụng phương tiện nguy hiểm*” để phạm tội. Vì vậy hành vi của các bị cáo L, H đã cấu thành tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS.

Khoảng 5 giờ 30’ ngày 10/11/2019, tại đường chân đê thuộc phường Nam Đồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, H Văn T sử dụng xe máy Yamaha Exciter BKS 34B1- 969.72 chở Đỗ Xuân L áp sát xe đạp điện của chị Nguyễn Thị Đ để L giật của chị Đ 01 chiếc túi vải trị giá 18.000đ và số tiền 1.100.000đ. Hành vi sử dụng xe máy áp sát rồi bất ngờ giật tài sản của chị Đ là hành vi “*dùng thủ đoạn nguy hiểm để phạm tội*”. Vì vậy hành vi của các bị cáo L, T đã cấu

thành tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS.

Khoảng 9 giờ ngày 12/11/2019, tại khu vực đường thôn 1, xã Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương, H Văn T sử dụng xe máy Yamaha Exciter BKS 34B1- 969.72 chở Đỗ Xuân L ép, chặn đầu xe máy Honda Airblade BKS 34B4-350.68 do chị Phạm Thị A chở chị Nguyễn Thị U. L dùng chân đá vào người chị A, chị U để chiếm đoạt của chị A 01 điện thoại Iphone 5s màu trắng trị giá 1.050.000đ, 01 Ti xách bằng da trị giá 270.000đ, số tiền 430.000đ và chiếm đoạt của chị U 01 Ti xách màu đen bằng da trị giá 240.000đ, 01 ví nữ màu đỏ trị giá 160.000đ, 01 điện thoại Iphone 6 plus màu vàng trị giá 4.000.000đ, số tiền 9.200.000đ và 300 Đô la Đài Loan tương đương 228.555đ. Các bị cáo sử dụng vũ lực làm các bị hại không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị 15.578.555đ. Hành vi sử dụng xe máy để áp sát và chặn xe máy của bị hại đang đi trên đường là hành vi “sử dụng phương tiện, thủ đoạn nguy hiểm” để phạm tội. Vì vậy hành vi của L và T đã cấu thành tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS.

Vì vậy VKSND thành phố Hải Dương truy tố đối với các bị cáo về các tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn gây hoang mang, lo lắng cho người dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an tại địa phương. Các bị cáo là người có năng lực TNHS, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó đòi hỏi pháp luật phải xử lý nghiêm mới đảm bảo tác dụng giáo dục và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[2] *Về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và xử lý đối với các bị cáo:*

Trong vụ án trộm cắp tài sản ngày 12/8/2019, L và G cùng trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò ngang nhau. G là người đề xuất thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 14/8/2019. L phải chịu trách nhiệm độc lập về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản ngày 17/8/2019. Trong vụ án cướp tài sản ngày 16/10/2019 và ngày 27/10/2019, L là người chuẩn bị công cụ và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò thứ nhất; H là người cảnh giới nên giữ vai trò thứ hai. Trong vụ án cướp giật tài sản ngày 10/11/2019 và vụ án cướp tài sản ngày 12/11/2019, T là người điều khiển xe máy ép, chặn xe của bị hại để L thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại nên T và L giữ vai trò ngang nhau.

Các bị cáo L, H, G là người có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử và bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội, các bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Quá trình điều tra, bị cáo L tự khai nhận hành vi phạm tội đối với chị Q, chị Mai I, chị Đ khi các vụ án này chưa bị phát hiện. Bị cáo thực hiện 03 hành vi cướp tài sản, mỗi hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, tổng giá trị tài sản

chiếm đoạt là 22.665.555đ; bị cáo thực hiện 01 hành vi cướp giật tài sản, giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.118.000đ nhưng lại bị truy tố, xét xử theo điểm d khoản 2 Điều 168, điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS. Vì vậy bị cáo L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS “*tự thú*”, “*gây thiệt hại không lớn*” quy định tại điểm r, h khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các tội “Cướp tài sản”, “Cướp giật tài sản” và phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS “*phạm tội hai lần trở lên*” đối với tội “Cướp tài sản”. Bị cáo L có 02 tiền án đều chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng “*tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với các tội.

Bị cáo H thực hiện 02 hành vi cướp tài sản, mỗi hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.087.000đ nhưng lại bị truy tố, xét xử theo điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS. Sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú. Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội do cố ý. Vì vậy H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS “*gây thiệt hại không lớn*”, đầu thú quy định tại điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS và phải chịu các tình tiết tăng nặng TNHS “*phạm tội hai lần trở lên*”, “*tái phạm*” quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Bị cáo T thực hiện 01 hành vi cướp tài sản với giá trị tài sản chiếm đoạt là 15.578.555đ và 01 hành vi cướp giật tài sản với giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.118.000đ nhưng lại bị truy tố, xét xử theo điểm d khoản 2 Điều 168, điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS. Vì vậy bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS “*gây thiệt hại không lớn*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS đối với cả hai tội.

Xét các bị cáo đều còn trẻ nhưng không chịu lao động, học tập để giúp ích cho gia đình, xã hội mà lại thực hiện hành vi phạm tội chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo mới đảm bảo được tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm. HĐXX sẽ xem xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội mỗi bị cáo thực hiện. Các bị cáo L, T phạm nhiều tội nên phải chịu tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 55 BLHS.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về TNDS: Chị A đã nhận lại các tài sản bị chiếm đoạt; chị U đã nhận lại 01 điện thoại di động Iphone 6 plus; anh X đã nhận lại xe máy Honda Airblade BKS 34B3-755.28; chị Q đã nhận lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo vỏ màu hồng. Anh X, anh Y, chị Q, chị A, chị U đều không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không xem xét.

Công ty W, chị Mai I, chị Đ yêu cầu được bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được và chi phí làm lại giấy tờ bị mất do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là có căn cứ. HĐXX cần buộc các bị cáo L, G phải liên đới bồi thường cho Công ty W giá trị 04 bộ song chắn rác là 3.432.000đ; chia kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường $\frac{1}{2} = 1.716.000\text{đ}$. Buộc các bị cáo L, H phải liên đới bồi thường cho chị Mai I giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 4.907.000đ và chi phí làm lại 01 sim Viettel, 01 sim Vinaphone, 01 thẻ ATM ngân hàng VCB, 01 CMND, 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 là 275.000, tổng = 5.182.000đ; chia kỷ phần L phải bồi thường 3.000.000đ, H phải bồi thường 2.182.000đ. Chị Đ không yêu cầu bồi thường giá trị chiếc Ti vải nên cần buộc các bị cáo L, T phải liên đới bồi thường cho chị Đ số tiền bị chiếm đoạt là 1.100.000đ; chia kỷ phần L phải bồi thường 600.000đ, T phải bồi thường 500.000đ.

Bị cáo L vay của anh V số tiền 5.000.000đ và để lại xe máy Honda Airblade BKS 34B3-755.28 làm tin; anh Kh mua lại điện thoại Oppo của L, H với số tiền 700.000đ. Anh V, anh Kh đã giao xe máy, điện thoại cho cơ quan điều tra và yêu cầu được bồi thường số tiền đã đưa cho các bị cáo là có căn cứ. HĐXX cần buộc bị cáo L phải hoàn trả anh V số tiền 5.000.000đ; buộc L và H phải liên đới hoàn trả anh Kh số tiền 700.000đ, chia kỷ phần L phải hoàn trả 400.000đ, H phải hoàn trả 300.000đ.

Tại Bản án số 16/2020/HS-ST ngày 21/02/2020, TAND thành phố H, tỉnh Hải Dương buộc Phạm Thị S phải bồi thường cho Công ty W giá trị 02 bộ song chắn rác là 1.716.000đ nhưng chị S chưa thực hiện nghĩa vụ bồi thường nên HĐXX không xem xét nghĩa vụ của bị cáo G với chị S tại bản án này. Sau khi chị S đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường và có yêu cầu đối với bị cáo G thì sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về vật chứng: Các bị cáo L, G bán 04 bộ song chắn rác chiếm đoạt của Công ty cổ phần Newland cho vợ chồng anh O, chị Đ được 2.100.000đ; anh O, chị Đ đã bán lại tài sản cho người khác (không biết tên, địa chỉ) với số tiền 2.260.000đ. Như vậy anh O, chị Đ được lợi về tài sản mà không có căn cứ pháp luật thì phải hoàn trả hoa lợi, lợi tức thu được theo quy định tại Điều 581 Bộ luật dân sự. Do đó cần tịch thu của anh O, chị Đ số tiền chênh lệch 160.000đ để nộp ngân sách nhà nước.

Các bị cáo sử dụng xe máy Yamaha Jupiter, xe máy Airblade, xe máy Honda Wave (đều không rõ BKS) và xe máy Yamaha Exciter BKS 34B1-96.972 làm phương tiện phạm tội. Tuy nhiên L đã trả xe máy Airblade cho Duy, hiện chưa xác định được lý lịch của Duy nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ. Xe máy Yamaha Exciter BKS 34B1-96.972 cũng là phương tiện L sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội tại huyện A, thành phố Hải Phòng và đã được Công an huyện A xử lý nên không đề cập giải quyết trong bản án này. Xe máy Airblade

do L mượn của T và đã bán cho người khác nhưng T không biết L sử dụng xe máy để thực hiện hành vi phạm tội và không yêu cầu L phải bồi thường trong cùng vụ án này nên HĐXX không xem xét. Xe máy Yamaha Jupiter là của L đã bán cho người khác được 600.000đ nên cần tịch thu số tiền này để nộp ngân sách nhà nước.

Chiếc xà beng dùng để cạy các bộ song chắn rác do bị cáo G mượn và đã trả lại cho chị Đ. Chiếc thìa bằng kim loại có chuôi mài nhọn dùng để đe dọa chị Q, bị cáo L đã vứt đi nhưng không nhớ vị trí nên không thu hồi được. Đối với 01 chiếc vỏ ốp điện thoại bằng nhựa màu đen của bị cáo L không có giá trị kinh tế, bị cáo không nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Các bị cáo bị kết án và phải bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về tố tụng và các vấn đề khác: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên đều hợp pháp.

Hành vi cùng bị cáo G chiếm đoạt 02 bộ song chắn rác của Phạm Thị S và các vấn đề về trách nhiệm dân sự, vật chứng liên quan đã được xem xét, giải quyết tại Bản án số 16/2020/HS-ST ngày 21/02/2020 của TAND thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nên không đề cập giải quyết tại bản án này.

Các anh Nguyễn Văn G, Nguyễn Danh Kh, Lê V, Lê Văn H là người giới thiệu, cho vay tiền, mua và nhận tài sản của các bị cáo nhưng không biết việc phạm tội của các bị cáo nên đều không bị xử lý là phù hợp.

Ngoài các hành vi phạm tội ở thành phố Hải Dương, bị cáo L còn thực hiện hành vi phạm tội ở huyện T, tỉnh Hải Dương và huyện A, thành phố Hải Phòng. Các vụ án này đã bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố, truy tố, xét xử theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm d khoản 2 Điều 171; khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 (*cả bốn tội*); điểm h, r khoản 1 Điều 51 (*tội Cướp tài sản và Cướp giật tài sản*); điểm g khoản 1 Điều 52 (*tội Cướp tài sản*); điểm a khoản 1 Điều 55, Điều 58, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Đỗ Xuân L.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 58; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Hoàng Văn T.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Ngọc H.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Phạm Văn G.

Căn cứ các Điều 581, 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Xuân L phạm các tội “Cướp tài sản”, “Cướp giật tài sản”, “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Hoàng Văn T phạm các tội “Cướp tài sản” và “Cướp giật tài sản”; bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “Cướp tài sản”; bị cáo Phạm Văn G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt **Đỗ Xuân L 09 (chín) năm tù** về tội “Cướp tài sản”, 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả bốn tội là **14 (mười bốn) năm 07 (bảy) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Xử phạt **Hoàng Văn T 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù** về tội “Cướp tài sản”, 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là **11 (mười một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 12/3/2020.

- Xử phạt **Nguyễn Ngọc H 08 (năm) 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 21/3/2020.

- Xử phạt **Phạm Văn G 10 (mười) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 17/5/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc Đỗ Xuân L, Phạm Văn G phải liên đới bồi thường cho Công ty W số tiền 3.432.000đ. Chia kỷ phần: L phải bồi thường 1.716.000đ, G phải bồi thường 1.716.000đ.

- Buộc Đỗ Xuân L, Nguyễn Ngọc H phải liên đới bồi thường cho chị Mai I số tiền 5.182.000đ. Chia kỷ phần: L phải bồi thường 3.000.000đ, H phải bồi thường 2.182.000đ.

- Buộc Đỗ Xuân L, Hoàng Văn T phải liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị Đ số tiền 1.100.000đ. Chia kỷ phần: L phải bồi thường 600.000đ, T phải bồi thường 500.000đ.

- Buộc Đỗ Xuân L, Nguyễn Ngọc H phải liên đới hoàn trả anh Nguyễn

Danh Kh số tiền 700.000đ. Chia kỷ phần: L phải hoàn trả 400.000đ, H phải hoàn trả 300.000đ.

- Buộc Đỗ Xuân L phải hoàn trả anh Lê V số tiền 5.000.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc vỏ ốp điện thoại Iphone 6 plus bằng nhựa màu đen (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/6/2020 giữa Công an thành phố Hải Dương và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương).

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 600.000đ của bị cáo Đỗ Xuân L; số tiền 160.000đ của vợ chồng anh Đặng Văn O và chị Đỗ Thị Đ (đều chưa thu).

5. Về án phí: Bị cáo Đỗ Xuân L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 535.800đ án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo H Văn T, Nguyễn Ngọc H, Phạm Văn G, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- VKSND TP. Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQ CSĐT Công an TP. Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an TP. Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Hải Phòng;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng Tòa án.

Quách Thị Phương Thuý